

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (English)

Hướng chuyên sâu 1: Giảng dạy (Tiếng Anh)

Hướng chuyên sâu 2: Du lịch (Tiếng Anh)

Hướng chuyên sâu 3: Quản trị văn phòng

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7220201

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: The Degree of Bachelor in English

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số 1991/QĐ-HVN ngày 07 tháng 05 năm 2026
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh - định hướng ứng dụng đào tạo Cử nhân ngôn ngữ Anh có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp; phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt và khả năng thích ứng trong các lĩnh vực công việc sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được những yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Mục tiêu cụ thể:

PO1: Vận dụng thành thạo kiến thức khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, kiến thức lý thuyết và kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh theo định hướng Giảng dạy tiếng Anh hoặc định hướng Quản trị văn phòng hay định hướng Du lịch nhằm

giải quyết các vấn đề thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế;

PO2: Thực hiện hiệu quả các lĩnh vực chuyên môn trong giảng dạy tiếng Anh, quản trị văn phòng, nghiệp vụ du lịch, sử dụng tiếng Anh thành thạo tương đương bậc 5 - C1; ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 - B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và kỹ năng tin học văn phòng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong môi trường hội nhập quốc tế;

PO3: Phát triển năng lực tự học nâng cao trình độ và tự chịu trách nhiệm, khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên môn góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức chung	
PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh	PI1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh PI1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. PI1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh
Chuẩn đầu ra cho nhóm ngành	
PLO2. Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.	PI2.1 Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội trong lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch. PI2.2. Phân tích kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và văn hóa trong lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
	PI2.3. Phân tích kiến thức cơ bản về lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.
Kiến thức chuyên môn	
PLO3 Lựa chọn các tài liệu, sản phẩm phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh.	PI3.1. Lựa chọn tài liệu, giáo trình, bài giảng và các sản phẩm phù hợp trong hoạt động dạy-học dựa theo lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh. PI3.2. Lựa chọn các cách thức, thiết bị, sản phẩm phù hợp trong hoạt động quản trị văn phòng. PI3.3. Lựa chọn được các tài liệu và sản phẩm trong nghiệp vụ du lịch. PI3.4. Lựa chọn các tài liệu và sản phẩm nghiên cứu khoa học phù hợp phục vụ hoạt động chuyên môn.
PLO4. Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch và Nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc.	PI4.1. Thiết kế tài liệu dạy học đáp ứng yêu cầu công việc dựa trên kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh. PI4.2. Thiết kế và phát triển các tài liệu, quy trình và sản phẩm phù hợp trong hoạt động quản trị văn phòng đáp ứng yêu cầu công việc. PI4.3. Thiết kế và phát triển các sản phẩm trong phù hợp trong nghiệp vụ Du lịch. PI4.4. Thiết kế các sản phẩm nghiên cứu khoa học phù hợp đáp ứng yêu cầu công việc.
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
PLO5. Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Giảng dạy Tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.	PI5.1 Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. PI5.2 Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. PI5.3 Sử dụng tiếng Trung đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.
Kỹ năng chuyên môn	
PLO6. Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tư duy phản biện vào phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết thư tín, viết báo cáo khoa học và làm việc nhóm.	PI6.1. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. PI6.2. Sử dụng tư duy phản biện vào phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết thư tín, viết báo cáo khoa học và làm việc nhóm.
PLO7. Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch và Nghiên cứu khoa học.	PI7.1. Thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học và các hoạt động nghiên cứu khoa học liên quan đến giảng dạy tiếng Anh. PI7.2. Thực hiện hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Quản trị văn phòng. PI7.3. Thực hiện hiệu quả các hoạt động trong nghiệp vụ du lịch.
PLO8. Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch để giải quyết hiệu quả các vấn đề chuyên môn.	PI8.1. Vận dụng tích hợp các kỹ năng thiết kế, điều chỉnh và phát triển tài liệu dạy học; phương pháp và kỹ thuật dạy học để giải quyết các vấn đề trong hoạt động Giảng dạy tiếng Anh.

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
	PI8.2. Vận dụng tích hợp các kỹ năng giao tiếp, xử lý thông tin, giao dịch, đàm phán, tổ chức công việc ... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Quản trị văn phòng. PI8.3. Vận dụng tích hợp các kỹ năng giao dịch, đàm phán, biên – phiên dịch và nghiệp vụ du lịch để giải quyết các vấn đề trong hoạt động Du lịch.
Tự chủ và trách nhiệm	
PLO9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	PI10.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. PI10.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

● **Lĩnh vực:** Giảng dạy tiếng Anh, quản lý giáo dục, nghiên cứu ngôn ngữ, biên dịch, phiên dịch, quản trị văn phòng, điều phối dự án, dịch vụ du lịch.

● Vị trí việc làm

- Cán bộ giảng dạy tiếng Anh
- Cán bộ quản lý giáo dục
- Chuyên gia nghiên cứu ngôn ngữ
- Biên dịch viên
- Phiên dịch viên
- Nhân viên văn phòng
- Điều phối viên dự án
- Hướng dẫn viên du lịch
- Nhân viên điều hành tour du lịch
- Cán bộ quản trị du lịch

Nơi làm việc

Các cơ sở giáo dục đào tạo: đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề, trung học phổ thông, các trung tâm, cơ sở đào tạo ngoại ngữ

- Các doanh nghiệp nhà nước, nước ngoài, liên doanh, tư nhân hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng ngôn ngữ Anh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các viện nghiên cứu ngôn ngữ.
- Các tổ chức xã hội và tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế có liên quan đến lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

- Các công ty du lịch trong và ngoài nước

- ***Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp***

- - Tham dự các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong và nước để nâng cao trình độ chuyên môn
- - Tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tổ chức và thực hiện hiệu quả và nâng cao các lĩnh vực chuyên đã đề cập ở trên.
- - Tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu cấp chứng chỉ nghiệp vụ về phương pháp giảng dạy, quản trị văn phòng và du lịch.

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

- ***Đối với sinh viên Việt Nam:***

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bỏ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức.

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt các giải cao trong kì thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế về Công nghệ thông tin được xét tuyển thẳng.

- ***Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia...):*** Theo quy định chung của HV.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- ***Triết lý giáo dục***

Triết lý giáo dục của ngành Ngôn ngữ Anh là đào tạo nguồn nhân lực có trí tuệ, nhân cách và thể lực tốt; có tư duy độc lập và sáng tạo để phát triển toàn diện trong môi trường công việc sử dụng tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

- ***Chiến lược dạy và học***

Chiến lược lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tiềm năng và thể mạnh của người học. Xây dựng lộ trình học tập hiệu quả cả trong và ngoài lớp học. Hướng dẫn và tư vấn người học kịp thời để phát huy cao tinh thần tự học, tích cực tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Phương pháp đánh giá

Học viện tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào cho sinh viên các khóa của ngành Ngôn ngữ Anh để nắm bắt được trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên, từ đó hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho sinh viên có lộ trình và phương pháp học tập hiệu quả và phù hợp. Đối với mỗi học phần, sinh viên đều được kiểm tra, đánh giá thông qua 3 đầu điểm gồm điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Tùy theo đặc thù mỗi môn học mà hình thức và nội dung kiểm tra, đánh giá của 3 đầu điểm trên có thể khác nhau. Kỳ cuối của chương trình đào tạo, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp trong 6 tháng và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Học viện.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó quy đổi thành thang điểm 4.

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
----	--------------------------------	---------------------

1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 130 tín chỉ của CTĐT với 44 tín chỉ đại cương, 22 tín chỉ cơ sở ngành, 64 tín chỉ chuyên ngành (120 tín chỉ bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 2 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và 02 tín chỉ tin học. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 130 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt C1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; ngoại ngữ 2 tương đương trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (TT 01/2014/TT-BGDĐT); có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. Cấu trúc chương trình

7. Cấu trúc và nội dung chương trình

KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG BẮT BUỘC (74 TC)

1. Pháp luật đại cương: 4 TC
2. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh: 4TC
3. Thương mại và hội nhập quốc tế: 3TC
4. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng: 3TC
5. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 4 TC
6. Nông nghiệp hiện đại: 4TC
7. Sinh thái và môi trường: 4TC
8. Triết học Mác-Lê Nin: 3TC
9. Tổ chức và quản lý kinh tế: 3TC
10. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2TC
11. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2TC
12. Tiếng Trung 1: 2TC
13. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2TC
14. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC
15. Ngoại ngữ - Tiếng Trung 2: 3TC

CÁC MÔN BỔ TRỢ KỸ NĂNG MỀM (6 TC) chọn 3 trong 8 học phần

1. Kỹ năng lãnh đạo: 2 TC
1. Kỹ năng QL bản thân: 2TC
3. KN tìm kiếm việc làm: 2TC
4. KN hội nhập QT: 2TC
5. KN khởi nghiệp: 2TC
6. KN bán hàng: 2TC
7. KN thuyết trình: 2TC
- 8: KN làm việc với các bên liên quan: 2TC

CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH BẮT BUỘC (CORE) 30 TC

1. Dẫn luận ngôn ngữ học: 3TC
2. Cơ sở văn hóa VH: 3TC
3. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3TC

CÁC MÔN TỰ CHỌN

1. Giao thoa văn hóa: 3TC
2. Công nghệ trọng dạy và học Ngoại ngữ 3TC
3. Văn học Anh Mỹ 3TC
4. Ngôn ngữ học đối chiếu: 3TC
5. Ngữ nghĩa học: 3TC
6. Tiếng Trung 3: 3TC
7. Tiếng Anh Du lịch: 3TC
8. Tổ chức chương trình du lịch: 3TC
9. Tiếng Anh thư tín giao dịch: 3TC

TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ (10TC)

1. Thực tập nghề nghiệp: 10TC

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN

1. Giáo dục thể chất
2. Giáo dục quốc phòng

CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC (MAJOR) 44 TC

1. Tiếng Anh Nghe Nói 1: 3TC
2. Tiếng Anh Đọc Viết 1: 3TC
3. Tiếng Anh Nghe Nói 2: 3TC
4. Tiếng Anh Đọc Viết 2: 3TC
5. Tiếng Anh Nghe Nói 3: 3TC
6. Tiếng Anh Đọc Viết 3: 3TC
7. Phiên dịch: 4TC
8. Biên dịch: 3TC
9. Ngữ âm-Từ vựng học tiếng Anh 3TC
10. Ngữ pháp: 3 TC
11. Đất nước học Anh Mỹ: 3TC

ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN SÂU

I. Định hướng giảng dạy Tiếng Anh

1. Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ: 3TC
2. Phương pháp GD TAI: 3TC
3. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2: 4TC
4. Phiên dịch nâng cao: 4TC
5. Biên dịch nâng cao: 4TC

II. Định hướng Du lịch

1. Kinh tế và Marketing du lịch: 4TC
2. Quản trị du lịch 3TC
3. Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo lịch: 3TC
4. Phiên dịch nâng cao: 4TC
5. Biên dịch nâng cao: 4TC

III. Định hướng Quản trị VP

1. Quản trị văn phòng: 3TC
2. Quản lý dự án: 3TC
4. Tiếng Anh VP: 4TC
4. Phiên dịch nâng cao: 4TC
5. Biên dịch nâng cao: 4TC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 10 TC CÁC MÔN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (10 TC)

1. Đọc viết nâng cao: 3TC
2. Nghe Nói nâng cao: 3TC
3. Ngữ dụng học: 4TC

Sơ đồ Block ngành NNA

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Chuyên sâu 2				Chuyên sâu 3				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	LT	TH	BB/ TC	Tổng số tín chỉ	LT	TH	BB/ TC	Tổng số tín chỉ	LT	TH	BB/ TC		
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG					45	45	0.0		45	45	0.0		45	45	0.0			
1	1	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
2	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist – Leninist Political Economy	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB		
3	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB		
4	3	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	The history of Vietnamese communist party	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB		
5	3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB		
6	2	DN94083	Tiếng Trung 1	Chinese 1	2	1	1	BB	2	1	1	BB	2	1	1	BB		
7	2	DN94072	Tiếng Trung 2	Chinese 2	3	1	2	BB	3	1	2	BB	3	1	2	BB		
8	1	XH91001	Pháp luật đại cương	Introduction to law	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		

9	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information technology and digital transformation	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		
10	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and Public communication	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
11	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and business culture	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		
12	2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Economic organization and management	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
13	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Trade and international integration	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
14	1	TM91012	Sinh thái và môi trường	Ecology and enviroment	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		
15	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH					9	9	0											
16	2	DN94150	Dẫn luận ngôn ngữ học	Introduction to Linguistics	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
17	2	XH93077	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese Culture	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
18	1	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific research methods	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH					78													
19	2	DN94078	Ngữ âm-Từ vựng học tiếng Anh	English Phonetics and Lexicology	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
20		DN94079	Ngữ pháp	English Grammar	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		

21		DN94052	Đất nước học Anh Mỹ	Introduction to British and American Studies	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
22	2	DN94066	Tiếng Anh Nghe Nói 1	English listening and speaking 1	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB		
23	2	DN94063	Tiếng Anh Đọc Viết 1	English reading and writing 1	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
24	2	DN94067	Tiếng Anh Nghe Nói 2	English listening and speaking 2	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB		
25	3	DN94064	Tiếng Anh Đọc Viết 2	English reading and writing 2	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
26	3	DN94068	Tiếng Anh Nghe Nói 3	English listening and speaking 3	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB		
27	3	DN94065	Tiếng Anh Đọc Viết 3	English reading and writing 3	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
28	4	DN94084	Phiên dịch	Interpreting	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB		
29	4	DN94050	Biên dịch	Translation	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB		
30	3	DN94054	Giao Thoa Văn Hóa	Intercultural communication	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
31	3	DN94051	Công nghệ trong dạy và học Ngoại ngữ	Technology in teaching and learning foreign languages	3	2.5	0.5	TC	3	2.5	0.5	TC	3	2.5	0.5	TC		
32	3	DN94070	Văn học Anh - Mỹ	English-American literature	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
33	4	DN94057	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive linguistics	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
34	3	DN94059	Ngữ nghĩa học	Semantics	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
35	3	DN94069	Tiếng Trung 3	Chinese 3	3	1	2	TC	3	1	2	TC	3	1	2	TC		
36	2	DN94036	Tiếng Anh Du lịch	English for Tourism	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
37	4	DN94022	Tổ chức chương trình du lịch	Operation of tourism program	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		

38	3	DN94080	Tiếng Anh thư tín giao dịch	English for commercial correspondence	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC		
39	4	DN94061	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1	English language teaching 1	3	2	1	BB	-	-	-	-	-	-	-	-		
40	3	DN94062	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	English language teaching 2	4	3	1	BB	-	-	-	-	-	-	-	-		
41	4	DN94055	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	Language testing and assessment	3	2.5	0.5	BB	-	-	-	-	-	-	-	-		
42	4	DN94074	Phiên dịch nâng cao	Advanced interpreting	4.0	3.0	1.0	BB										
43	3	DN94085	Biên dịch nâng cao	Advanced translation	4.0	3.0	1.0	BB										
44	4	DN94018	Kinh tế và Marketing du lịch	Tourism industry and marketing	-	-	-	-	4.0	4.0	0.0	BB	-	-	-	-		
45	3	DN94003	Quản trị du lịch	Tourism Management	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB	-	-	-	-		
46	3	DN94074	Phiên dịch nâng cao	Advanced interpreting	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB	-	-	-	-		
47	3	DN94085	Biên dịch nâng cao	Advanced translation	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB	-	-	-	-		
48	3	DN94020	Nghệ vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Tour guiding and animation	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB	-	-	-	-		
49	3	DN94007	Quản trị văn phòng	Office Administration	-	-	-	-	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB		
50	3	KTE93083	Quản lý dự án	Project Management	-	-	-	-	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB		
51	3	DN94082	Tiếng Anh văn phòng	English for office workers	-	-	-	-	-	-	-	-	4.0	4.0	0.0	BB		
52	3	DN94074	Phiên dịch nâng cao	Advanced interpreting	-	-	-	-	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB		
53	3	DN94085	Biên dịch nâng cao	Advanced translation	-	-	-	-	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB		

54	4	DN94375	Thực tập nghề nghiệp NNA	Teaching practice	10	0	10	BB	10	0	10	BB	10	0	10	BB		
55	4	DN94492	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	10	0	10	BB	10	0	10	BB	10	0	10	BB		
56	4	DN94053	Đọc Viết Nâng Cao	Advanced Reading & Writing	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	Học phần thay thế KLTN theo đề nghị của Khoa	
57	4	DN94056	Nghe Nói Nâng Cao	Advanced Listening & Speaking	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
58	4	DN94058	Ngữ Dụng Học	Pragmatics	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB		

Tổng số tín chỉ bắt buộc **123**

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu **12**

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo **135**

*** Học phần kỹ năng mềm**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và quốc phòng**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết	BB/ TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1.0		PCBB
	GT01017	Điền kinh	1.0		PCBB
	GT01018	Thể dục Aerobic	1.0		PCBB
	GT01019	Bóng đá	1.0		PCBB
	GT01020	Bóng chuyền	1.0		PCBB
	GT01021	Bóng rổ	1.0		PCBB
	GT01022	Cầu lông	1.0		PCBB
	GT01023	Cờ vua	1.0		PCBB
	GT01014	Khiêu vũ	1.0		PCBB
	GT01015	Bơi	1.0		PCBB
	GT01024	Golf	1.0		PCBB
	GT01025	Yoga	1.0		PCBB
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng – an ninh của Đảng	3.0		PCBB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2.0		PCBB
	QS01013	Quân sự chung	2.0		PCBB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4.0		PCBB
Tổng số					

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn, PCBB = Phải chọn bắt buộc

* **Chuẩn trình độ công nghệ thông tin**

Căn cứ theo QĐ số 3566/QĐ-HVN ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt đề án Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin Học viện Nông nghiệp Việt Nam áp dụng cho sinh viên đại học từ khóa K69:

Sinh viên được xác định là đạt chuẩn đầu ra CNTT nếu đạt cả 2 mức cơ bản và mức chuyên ngành:

❖ **Mức cơ bản:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Điểm môn TH91084 CNTT và Chuyển đổi số (đã có trong CTDT) ≥ 5.5
- + Điểm môn TH91084 từ 4.0 đến 5.4 và có thêm 01 chứng chỉ Tin học: Chứng chỉ Tin học Quốc tế ICDL hoặc Ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03 do Hội đồng thi Học viện sát hạch.
- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức cơ bản do Học viện tổ chức.

❖ **Mức Chuyên ngành:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Đạt điểm ≥ 5.5 đối với một trong các Học phần:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
ICT94001	CNTT ứng dụng trong Nông nghiệp	3	TC
ICT94002	CNTT ứng dụng trong Quản lý tài nguyên và môi trường	3	TC
ICT94003	CNTT ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội	3	TC

- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức chuyên ngành do Học viện tổ chức.

* **Chuẩn trình độ ngoại ngữ**

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-HVN ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về phê duyệt “Đề án Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016-2021” và Quyết định số 6786/QĐ-HVN ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc tiếp tục thực hiện Đề án Ngoại ngữ giai đoạn 2016-2021 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

8. Kế hoạch học tập

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên đổi số	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
1	DN94066	Tiếng Anh Nghe Nói 1	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	
1	DN94063	Tiếng Anh Đọc Viết 1	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1	PCBB	1	0	1	PCBB	1	0	1	PCBB	
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
2	DN94067	Tiếng Anh Nghe nói 2	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	
2	DN94064	Tiếng Anh Đọc viết 2	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
2	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1	0	1	PCBB	1	0	1	PCBB	1	0	1	PCBB	
2	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 8 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ	2	2	0	PCBB	2	2	0	PCBB	2	2	0	PCBB	

[illegible]

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
3/4	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
3	DN94068	Tiếng Anh Nghe Nói 3	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	3	2.5	0.5	BB	
3	DN94065	Tiếng Anh Đọc Viết 3	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB	
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	PCBB	3	3	0	PCBB	3	3	0	PCBB	
3	QS01012	Công tác quốc phòng - an ninh	2	2	0	PCBB	2	2	0	PCBB	2	2	0	PCBB	
4/3	XH93077	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
4/3	DN94084	Phiên dịch	4	4	0	BB	4	4	0	BB	4	4	0	BB	
4/3	DN94050	Biên dịch	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
4	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB	
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB	2	2	0	BB	2	2	0	BB	
4	DN94057	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC	
4	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1.0	0	1.0	PCBB	1.0	0	1.0	PCBB	1.0	0	1.0	PCBB	
4	QS01013	Quân sự chung	2.0	1.0	1.0	PCBB	2.0	1.0	1.0	PCBB	2.0	1.0	1.0	PCBB	
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT	4.0	0	4.0	PCBB	4.0	0	4.0	PCBB	4.0	0	4.0	PCBB	
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			30				30				30				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu:			3				3				3				

Năm thứ 3

[illegible]

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
6	DN94062	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	4.0	3.0	1.0	BB	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	DN94018	Kinh tế và Marketing du lịch	-	-	-	-	4	4	0	BB	-	-	-	-	
6	DN94020	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB	-	-	-	-	
6	DN94082	Tiếng Anh văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	4.0	4.0	0.0	BB	
6	DN94007	Quản trị văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	3.0	3.0	0.0	BB	
6	DN94080	Tiếng Anh thư tín giao dịch	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	
6	DN94059	Ngữ nghĩa học	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	
6	DN94051	Công nghệ trong dạy và học Ngoại ngữ	3.0	2.5	0.5	TC	3	2.5	0.5	TC	3.0	2.5	0.5	TC	
6	DN94036	Tiếng Anh Du lịch	3.0	3	0	TC	3	3	0	TC	3.0	3	0	TC	
6	DN94022	Tổ chức chương trình du lịch	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
Tổng số tín chỉ bắt buộc			32				32				32				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			3				3				3				

Tổng số TC bắt buộc: 126

Tổng số TC tự chọn tối thiểu: 09

Tổng số TC trong CTĐT: 135

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 - Giảng dạy				Chuyên sâu 2 – Du lịch				Chuyên sâu 3 – Quản trị văn phòng				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
7	DN94375	Thực tập nghề nghiệp NNA	10	0	10	BB	10	0	10	BB	10	0	10	BB	
7	DN94052	Đất nước học Anh Mỹ	3	3	0	BB	3	3	0	BB	3	3	0	BB	
7	DN94069	Tiếng Trung 3	3	1	2	TC	3	1	2	TC	3	1	2	TC	
7	DN94070	Văn học Anh Mỹ	3	3	0	TC	3	3	0	TC	3	3	0	TC	
8	DN94492	Khoá luận tốt nghiệp NNA	10	0	10	BB	10	0	10	BB	10	0	10	BB	
8	DN94053	Đọc Viết Nâng Cao	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp
8	DN94056	Nghe Nói Nâng Cao	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
8	DN94058	Ngữ Dụng Học	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	
Tổng số tín chỉ bắt buộc			23				23				23				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			03				03				03				

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 126

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu: 9

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo: 135

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần:

9.1. Các học phần đại cương

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết).
Nội dung: Học phần được chia thành hai nội dung chính: **Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản**, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm:** nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. **Tên chương:** Chương 1: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; Chương 2: Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Chương 3: Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Chương 4: Nội dung cơ bản của Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Chương 5: Nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động; Chương 6: Nội dung cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Chương 7: Áp dụng pháp luật Tài nguyên – Môi trường; Chương 8: Nội dung cơ bản của Luật Trồng trọt, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Chương 9: Nội dung cơ bản của Luật Chăn nuôi. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Hướng dẫn bài tập nhóm; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy qua tình huống. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự nhóm – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60% . **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TH91084. Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Information technology and digital transformation) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365.

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture). (4TC: 4 – 0 - 138 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN

trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa vào tình huống (case study); Hướng dẫn thảo luận; Hướng dẫn bài tập. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần -60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Communication). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Integration). (3TC: 3 – 0 - 102 tiết). **Nội dung và Tên chương:** Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

NH91012. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại; (3) Cơ giới hoá và tự động hoá trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình sản xuất cây trồng hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi hiện đại; (6) Mô hình thủy sản hiện đại. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy; Đặt câu hỏi động não; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). *Nội dung:* Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. *Tên chương:* Chương 1: Giới thiệu chung về sinh thái học; Chương 2: Sinh thái học quần thể; Chương 3: Sinh thái học quần xã; Chương 4: Hệ sinh thái; Chương 5: Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững; Chương 6: Tài nguyên môi trường nước và đất; Chương 7: Tài nguyên môi trường không khí, rừng và sinh vật; Chương 8: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong trồng trọt; Chương 9: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Diễn giảng có kết hợp với minh họa; Thảo luận với câu hỏi mở; Nêu vấn đề (problem-solving); Hướng dẫn làm tiểu luận nhóm; Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không;

XH91047. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; Giảng dạy Online trên phần mềm LMS. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management). (3TC: 3 – 0 - 100 tiết). *Nội dung:* Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong kinh tế; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Marketing và xúc tiến thương mại; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư. *Tên chương:* .*Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Tổ chức học tập trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp - 10%; Thảo luận nhóm – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism And Leninism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần này gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin;

Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. **Phương pháp giảng dạy** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91075. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng kết hợp với nêu vấn đề; Hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm; Hướng dẫn tự học; Xem phim tư liệu. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung:** tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần bao gồm 6 chương gồm nhiều nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: cách mạng, nhà nước, Đảng, đại đoàn kết, văn hoá, giáo dục... . **Tên chương:** . **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; nêu tình huống; thăm quan thực tế, làm việc nhóm; truyền thông đa phương tiện. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu

luyện – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không %;

DN94083 – Tiếng Trung 1 (Chinese 1) (Tổng số tín chỉ: 02; Lý thuyết: 01; Thực hành: 01; Giờ tự học: 55)

Học phần Tiếng Trung 1 là học phần Ngoại ngữ 2, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng về tiếng Trung Quốc, bao gồm ngữ âm, Hán tự, từ vựng, ngữ pháp và các mẫu câu giao tiếp cơ bản. Học phần sử dụng **Giáo trình Hán ngữ Quyển 1**, tập trung vào các chủ đề giao tiếp quen thuộc như chào hỏi, giới thiệu bản thân, quốc tịch, nghề nghiệp, học tập, gia đình, ăn uống, mua sắm, hỏi đường, đổi tiền và các tình huống giao tiếp hằng ngày.

Thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết và thực hành giao tiếp, sinh viên được rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn, sử dụng từ vựng và mẫu câu cơ bản, đọc hiểu và viết các câu, đoạn văn ngắn theo các chủ đề quen thuộc; đồng thời bước đầu hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc trong các tình huống đơn giản và phát triển kỹ năng tự học ngoại ngữ.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc ở mức độ cơ bản để giao tiếp trong một số tình huống hằng ngày; nghe hiểu các hội thoại ngắn, đọc hiểu và viết được các câu, đoạn văn đơn giản; đồng thời tạo nền tảng cho việc học các học phần Tiếng Trung 2 và Tiếng Trung 3, hướng tới đạt trình độ tương đương **bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam** đối với ngoại ngữ 2.

DN94072 – Tiếng Trung 2 (Chinese 2) (Tổng số tín chỉ: 03; Lý thuyết: 01; Thực hành: 02; Giờ tự học: 75)

Học phần Tiếng Trung 2 tiếp nối học phần Tiếng Trung 1, nhằm củng cố và mở rộng kiến thức về ngữ âm, Hán tự, từ vựng, ngữ pháp và các mẫu câu giao tiếp tiếng Trung Quốc; đồng thời tiếp tục rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết thông qua các chủ đề quen thuộc trong học tập và cuộc sống.

Học phần sử dụng **Giáo trình Hán ngữ Quyển 2**, tập trung vào các chủ đề như thư viện, bưu điện, mua sắm, sinh nhật, thời gian, dự định, trường học, sở thích, hoạt động hằng ngày, miêu tả sự việc và các tình huống giao tiếp thường gặp. Sinh viên được luyện tập thông qua các hoạt động nghe, đọc, viết, làm bài tập và thực hành hội thoại trên lớp.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong các tình huống quen thuộc; nghe hiểu các hội thoại ngắn; đọc hiểu và viết được các câu, đoạn văn ngắn theo các chủ đề của học phần; đồng thời hình thành thói quen tự học và chủ động rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Trung Quốc, tạo nền tảng cho học phần **Tiếng Trung 3**.

9.2. Các học phần cơ sở ngành

DN93015. Phương pháp nghiên cứu khoa học (3TC:3-0-9). Học phần gồm các nội dung: Tổng quan về nghiên cứu khoa học, Quá trình nghiên cứu, Thiết kế nghiên cứu, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học, Phương pháp phân

tích thông tin trong nghiên cứu khoa học, Hướng dẫn viết báo cáo khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

XH93077. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnamese culture) (Tổng số tín chỉ 3TC: 3-0-9). Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

DN94150. Dẫn luận ngôn ngữ học. (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9).

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bao gồm: bản chất, chức năng và các đặc điểm của ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ với tư duy, văn hóa và xã hội; các bình diện cấu trúc của ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa); sự phát triển và biến đổi của ngôn ngữ; khái quát các ngành nghiên cứu chính của ngôn ngữ học. Qua đó, học phần giúp sinh viên hình thành nền tảng lý thuyết ban đầu, phục vụ cho việc tiếp thu các học phần chuyên ngành ngôn ngữ học, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ sau này.

9.3. Khối kiến thức ngành và cốt lõi ngành

DN94078 – Course name: English Phonetics - Lexicology (Total credits: 03 - Theory: 03 - Practice: 0 - self-study hours: 9).

This course consists of 2 chapters: Chapter 1: ENGLISH PHONETICS & PHONOLOGY presents English Vowels and their classification; the English diphthongs; Consonants and their classification; Voicing and consonants, Fortis and lenis consonants; The English syllables; Phonemes and allophones; Broad transcription & narrow transcription; Assimilation, Elision and Linking; Word stress, Phrase and sentence stress; the English rhythm; and Intonation. Chapter 2 – BASIC ENGLISH LEXICOLOGY contains Word structure and Word formation; the stylistic aspect of English vocabulary; and Phraseology.

DN94079: English Grammar (Total credits: 03 – Theory: 03; Self-study hours: 9).

This course helps learners to deeply understand the grammatical phenomena in English; namely: types of English; grammatical elements, verb phrases / nouns / adjectives / adverbs / prepositions; Single sentences, complex sentences, compound sentences. From there, readers can apply this knowledge in the skills: listening, speaking, reading, and writing.

DN94052 - Introduction to British and American Studies (Total credits: 3; Lecture: 3; Practice:0 - self-study: 105).

Brief description of the course: This module provides learners with knowledge about the country, cultural identity, people of the United Kingdom; history, geography; government, education, economy; Festival of England. Knowledge about the country, cultural identity,

American people; history, geography; government, education, economy; Festival of America.

DN94063. Reading and Writing 1. 03TC (Theory: 3.0 – Practice: 0 – Self-study: 105)

This course provides first-year English-major students with foundational reading and writing skills at the B1 level. The course consists of four thematic units adapted from *Unlock Level 3 Reading, Writing and Critical Thinking (3rd edition)*, including Animals, The Environment, Transport, and Customs and Traditions. Through these units, students develop reading comprehension strategies, vocabulary acquisition, critical thinking skills, and paragraph writing techniques. The course also familiarizes students with task types commonly found in B1 Preliminary examinations and promotes independent learning and communicative competence.

DN94067 –English Listening and Speaking 2 (Total credits: 3 - Theory: 2.5 - Practice: 0.5 - Self-study hours: 92.5). This course consists of five thematic units focusing on contemporary issues, including Globalization, Education, Medicine, the Environment, and Architecture. It aims to develop students' listening and speaking skills at Level 5/6 of the Vietnamese Foreign Language Competency Framework (VFLF), equivalent to B2-C1 of the CEFR. The course provides students with practice in listening comprehension and spoken interaction through tasks and activities modeled on the B2 First (FCE) format. In addition to equipping students with strategies for effective communication in multicultural environments, the course strongly emphasizes critical thinking by requiring students to analyze information, deliver presentations, and collaborate in teamwork within academic and real-life contexts.

DN94064. Reading and Writing 2. 03 (Theory: 3 – Practice: 0 – Self-study: 105

This course provides English-major students with foundational reading and writing skills at the B2 level. The course consists of four thematic units adapted from *Unlock Level 4 Reading, Writing and Critical Thinking (3rd edition)*, including Globalization, Education, Medicine, Environment. Through these units, students develop reading comprehension strategies, vocabulary acquisition, critical thinking skills, and paragraph writing techniques. The course also familiarizes students with task types commonly found in B2 level examinations and promotes independent learning and communicative competence.

DN94068 – English Listening and Speaking 3 (Total credits: 03 – Theory and practical exercises in class: 2.5 – Practice in lab: 0.5 – Self-study: 9). This course consists of 6 units.

In theory, this course provides students with vocabulary, grammar, and critical-thinking development integrated into five thematic units – Conservation, Design, Privacy, Business, and Psychology – to build listening and speaking skills at C1 level. Each unit combines

listening input, critical-thinking tasks, speaking preparation, and a wordlist review, followed by a speaking task.

In Practice, this course provides students with the skills of listening and speaking based on the CAE (Cambridge Certificate in Advanced English) test format, equivalent to C1 level.

DN94065-Reading and Writing 3 03 (Theory: 3.0 – Practice: 0 – Self-study: 105)

This course provides English-major students with advanced academic reading and writing skills at C1 level. The course consists of four thematic units adapted from *Unlock Level 5 Reading, Writing & Critical Thinking (3rd Edition)*, including Conservation, Design, Privacy, and Business. Through these units, students develop critical reading, synthesis, evaluation of evidence, argument construction, and academic essay writing. The course emphasizes independent learning, academic literacy, and preparation for upper-level university study and professional communication.

DN94084 – Course name Interpreting (Total credits: 4 -Theory: 4 - Practice: 0 - self-study hours: 137). This course consists of Introduction interpreting; Listening and understanding; memorizing; note-taking, reformulation; dealing with untranslatability; dealing with complex syntax; re-expression skills and coping tactics;

DN94050 – Translation (Total credits: 3.0 – Theory: 3.0 – Practice: 0 – Self-study hours: 100). This course covers fundamental knowledge of translation, including text analysis, translation methods and procedures, equivalence, translation errors, and translation testing. It develops basic English–Vietnamese and Vietnamese–English translation skills through texts on familiar topics. Students practice analyzing source texts, selecting appropriate translation solutions, identifying and revising translation errors, and using reference resources and digital tools to support translation practice and independent learning.

DN94054 - Name: Intercultural Communication (Total credits: 03: lecture: 3.0 – practice: 0 - self-study: 100)

This course consists of 9 units with the basic concepts of culture, communication and intercultural communication. It focuses on cultural differences and their influence on communication in various contexts. Students develop the ability to analyze intercultural communication situations and apply appropriate communication strategies. The course also enhances students' awareness of cultural diversity and their adaptability in multicultural environments.

DN94051 – Technology in Teaching and Learning Foreign Languages (Credits: 3; Theory: 2 – Practice: 1; Self-study hours: 82).

This course delivers foundational theoretical frameworks and practical principles of integrating educational technology within the fields of English Language Teaching. It

focuses on the mechanisms where information technology, digital technology, and multimedia devices are effectively used to design, adapt, develop, and evaluate instructional materials, textbooks, teaching content, and products to meet specified job requirements. Students will systematically explore the application of technology across various language teaching and learning activities, fostering professional capabilities to evaluate and select appropriate materials and resources relevant to diverse pedagogical contexts. Furthermore, the course requires students to integrate professional skills and apply modern teaching methods and techniques to solve pedagogical problems during micro-teaching and laboratory simulations, preparing them to perform teaching activities effectively and establish lifelong habits of self-directed learning and continuous professional development.

DN94070 – English-American Literature (Total credits: 3; Theory: 2; Practice: 1; Self-study: 100 hours) This course introduces students to major British and American literary movements, representative authors, and selected literary works from the nineteenth and twentieth centuries. Students examine literary texts through close reading and literary analysis, focusing on themes, characterization, plot structure, setting, point of view, symbolism, and other literary devices. The course also explores the historical, cultural, and social contexts that shape literary production and interpretation. Through lectures, seminars, presentations, discussions, and analytical writing, students develop critical thinking, intercultural awareness, academic communication skills, and independent learning habits in literary studies.

DN94057 – Contrastive Linguistics (Total credits: 03 – Theory: 3.0 – Practice in class: 0 – Self-study hours: 105). This course consists of 150 hours. It introduces students to the theoretical and applied dimensions of contrastive linguistics. The course covers systematic comparison between English and Vietnamese at phonological, morphological, syntactic, semantic, and pragmatic levels. Topics include the Contrastive Analysis Hypothesis, interlanguage, error analysis, and applications of contrastive linguistics to language teaching, translation, and lexicography.

DN94059 – Course name: Semantics (Total credits: 03 -Theory: 03 - Practice: 0 - self-study hours: 9).

This course introduces fundamental concepts in semantics, including the nature of meaning, sentences, utterances, and propositions. It covers key topics such as reference and sense, referring expressions, predicates, and universe of discourse. The course also explores deixis and definiteness, extensions and prototypes, lexical relations (synonymy, hyponymy, antonymy, and ambiguity), as well as basic logic, simple propositional notation, and connectives.

DN94069 – Tiếng Trung 3 (Chinese 3)(Tổng số tín chỉ: 03; Lý thuyết: 01; Thực hành: 02; Giờ tự học: 75)

Học phần Tiếng Trung 3 tiếp nối học phần Tiếng Trung 2, nhằm tiếp tục mở rộng và hoàn thiện kiến thức về ngữ âm, Hán tự, từ vựng, ngữ pháp và các mẫu câu giao tiếp tiếng Trung Quốc; đồng thời nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết thông qua các chủ đề quen thuộc trong học tập, công việc và cuộc sống.

Học phần sử dụng **Giáo trình Hán ngữ Quyển 3**, tập trung vào các chủ đề giao tiếp như hỏi thăm sức khỏe, du lịch, giao thông, thời tiết, mua sắm, học tập, công việc và các tình huống giao tiếp thường gặp. Sinh viên được luyện tập thông qua các hoạt động nghe, đọc, viết, làm bài tập và thực hành hội thoại trên lớp.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp thông thường; nghe hiểu, đọc hiểu và viết được các câu, đoạn văn theo các chủ đề của học phần; đồng thời duy trì thói quen tự học và chủ động rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Trung Quốc, góp phần đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ 2 theo mục tiêu của chương trình đào tạo.

DN94036 – English for Tourism (Total credits: 03; Theory: 03 - Practice: 0 - self-study hours: 105).

This course consists of 8 units about the different topics including World Tourism (Unit 1), Jobs in tourism (Unit 2), Visitor centres (Unit 3), Package tours (Unit 4), Hotels (Unit 5), Food and Beverage (Unit 6), Nature tourism (Unit 7), Air travel (Unit 8). In each unit, vocabulary and skills related to Tourism are provided and practiced by students through different sections: Grammar, Vocabulary, Professional skills and Case Study.

DN94080 -Course name: English for commercial correspondence (Total credits: 3; Lecture: 3; Practice:0 - self-study: 105).

The module equips students with the basic knowledge and skills of trading correspondence with the following main contents: Letters, faxes, and emails; Content and Style; Enquiries; Replies and Quotations; Orders, Payment; Transportation and shipping.

DN94061: English Language Teaching Methodology 1 (Total credits: 03 - Theory: 02 + Practice in class: 01; Self-study hours: 12).

The history of TEFL Methods: The Grammar Translation Method, The Direct Method, The Audio-Lingual Method, The Communicative Language Teaching, CLT approach, a PPP lesson...

DN94061: English Language Teaching Methodology 1 (Total credits: 03 - Theory: 02 + Practice in class: 01; Self-study hours: 12).

The history of TEFL Methods: The Grammar Translation Method, The Direct Method, The Audio-Lingual Method, The Communicative Language Teaching, CLT approach, a PPP lesson...

DN94055 –Language testing and assessment (Total credits: 03 -Theory: 2.5 - Practice: 0.5 - self-study hours: 102). This course provides undergraduates with the principles and practices of formative and summative assessment. The course will focus on

integrating formative assessment into regular teaching activities and on constructing and evaluating language tests aligned with current trends in language teaching, such as teacher identity, educational integrity, and Generative Artificial Intelligence (GenAI).

DN94074 –Advanced Interpreting (Total credits: 4 -Theory: 3 - Practice: 1 - self-study hours: 122). Interpreting topics on agriculture, social issues, international economics and foreign trade, politics and diplomacy, science and technology

DN94085- Advanced Translation (Total credits: 04 -Theory: 03 – Practice: 01 - self-study hours: 120). This course consists of different lessons on Reference and Meaning; Collocation; Compound word formation 1; Compound word formation 2; Proper names; Participle clauses; Emphasis; Conditionals; Environment, Economics; Government.

DN94007 – Office Administration (Total credits: 03 -Theory: 03 - Practice: 0 - self-study hours: 90). This course aims to help students understand the basic principles of office management; analyze and control administrative activities effectively in a professional work environment; understand and apply the learned knowledge to office management.

KTE93083. Project Management (Total credits: 03 -Theory: 3- Practice: - self-study hours: 150...). This course provides knowledge, skills, and tools in project management that enable students to formulate projects, develop implementation plans, organize project activities, and conduct monitoring and evaluation effectively. The course consists of four main chapters: Introduction to Project Management; Management of the Project Preparation Phase; Management of Project Implementation and Monitoring ; Project Closure Management. Teaching methods include lectures, classroom discussions, project-based learning activities, and practical assignments.

DN94375 – Teaching Practice (Total credits: 07 – Theory: 0 – Practice/Internship: 7.0 – Self-study hours: 170). This course consists of 350 hours. Students undertake a supervised teaching practicum at an assigned educational institution, applying knowledge and skills acquired throughout the program to real classroom contexts. The internship includes lesson planning, classroom teaching, learner assessment, and reflective practice under the guidance of an on-site supervising teacher and a faculty mentor, culminating in a final internship report and evaluation.

DN94492 – Khóa luận tốt nghiệp (Total credits: 10 -Theory: 0 - Practice: 10 - self-study hours: 900). This course consists of scientific research projects related to English language teaching methods, methods of assessment and evaluation; Design and use teaching facilities; Integrated teaching; Application of information technology and or AI in teaching; Material development; Improving the quality of teaching English at schools, vocational secondary schools and colleges; Tourism and travel services

management; Destination management; Hotel and restaurant management; Hospitality; Tourism development models (ecology, agriculture, community); Tourism geography; Business administration and management; Translation; Interpretation; Transactional correspondence; Administration; Language comparison and/or contrast; Pragmatics; Phonetics and phonology; Vocabulary and/or Lexicology; English grammar; Semantics; Cross-culture.

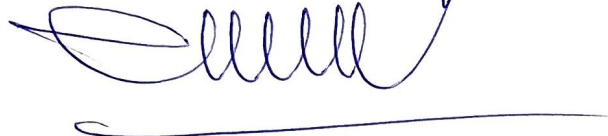
DN94053 – Advanced Reading and Writing (Total credits: 3; Theory: 3; Self-study: 100 hours). This course develops advanced reading and writing skills through authentic C1-level texts and writing tasks. Students apply advanced reading strategies to analyse, evaluate, and synthesise information from a range of academic, professional, and contemporary texts, and produce well-organised written responses for different communicative purposes. Using Ready for C1 Advanced (4th Edition, 2022) as the primary coursebook, the course integrates reading and writing through critical reflection, portfolio-based learning, and continuous feedback while promoting critical thinking, intercultural awareness, and independent learning.

DN94056 – Advanced Listening and Speaking (Total credits: 03 – Theory: 1.5 – Practice in class: 1.5 – Self-study hours: 105). This is a required, practice-oriented skills course for third- and fourth-year English-major students (English for Teaching / English for Tourism options) who have completed the intermediate (B1) listening-speaking courses. Using Ready for C1 Advanced (Amanda French & Roy Norris) as the core coursebook, the course is organised around 14 topic-based units plus a midterm and a final examination, each unit combining Language focus (grammar), topic-based vocabulary and pronunciation with systematic training in all four parts of the C1 Advanced Listening paper and all four parts of the C1 Advanced Speaking paper. Students move from controlled, teacher-guided practice (Theoretical contents) to timed, exam-format mock tests (Practical contents) and are expected to consolidate learning independently through structured self-study tasks. By the end of the course, students are expected to reach a B2+/C1 (Level 5/6 on the 6-level Vietnamese Foreign Language Competency Framework) standard of listening comprehension and spoken interaction, and to have internalised the strategies, task format and time-management skills required to sit the Cambridge C1 Advanced Listening and Speaking papers with confidence.

Course code: DN94058 – Course name: Pragmatics (Total credits: 04 -Theory: 4.0 – Practice in class: 0. - self-study hours: 140). This course consists of 200 hours

Brief description of the course: This course consists of Deixis & Distance, Reference & Inference, Presupposition & Entailments, Cooperation & Implicature, Speech Acts & Events, Politeness & Interaction, and Conversation Analysis.

TRƯỜNG KHOA



TS. Nguyễn Tất Thắng

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường Khoa Nông học	3	231.7	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	3	Các học phần cơ sở lý thuyết của ngành Ngôn ngữ Anh Các môn học đại cương, chuyên ngành của ngành Ngôn ngữ Anh
2	Giảng đường cơ điện cũ	5	336	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
3	Giảng đường cơ điện mới	5	556	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
4	Giảng đường A	13	1037	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	13	
5	Giảng đường C	12	1050	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	12	
6	Giảng đường B	33	6585	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	33	
7	Giảng đường Nguyễn đăng	38	1044 5	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	38	
8	Giảng đường E	19	3230	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	19	

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	ND110	80	Máy tính để bàn	33	- Học phần Nghe 1,2,3,4 - Học phần Nói 1,2,3,4 - Ngữ âm - Kiểm tra đánh giá Phiên dịch nâng cao, Biên dịch nâng cao. Tiếng Trung 2. Tiếng anh nghe nói 1,2
2	ND111	80	Máy tính để bàn	34	
5	DLNN204	138	Máy tính để bàn	34	
6	DLNN303	79	Máy tính để bàn	35	
8	DLNN309	69	Máy tính để bàn	35	
9	DLNN311	69	Máy tính để bàn	35	
10	DLNN405	68	Máy tính để bàn	35	
11	DLNN407	69	Máy tính để bàn	35	

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH: :

Theo format bảng sau. Lưu ý liệt kê các sách, giáo trình chính cập nhật trong 5 năm trở lại đây.

TT	Tên học phần	Mã học HP	Tên giáo trình	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
1	Pháp luật đại cương	XH91001	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật HN (2021)	2021	Nhà xuất bản Tư pháp
2	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	KE91028	Bài giảng Khởi nghiệp và Văn hóa kinh doanh. Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp.	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	2024	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam
3	Thương mại và hội nhập quốc tế	KE91063	Bài giảng Hội nhập và thương mại quốc tế. Giáo trình kinh doanh quốc tế	Chu Thị Kim Loan và cộng sự	2023	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam
4	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	DN91027	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Nhóm tác giả	2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
5	Tiếng Anh Nghe Nói 1	DN94066	UNLOCK Level 3 second edition Listening Speaking Critical Thinking	Sabina Ostrowska, Nancy Jordan with Chris Sowton, Jennifer Farmer and Janet Gokay	2019	Cambridge University Press
6	Tiếng Anh Đọc Viết 1	DN94063	Unlock 3 Reading, Writing & Critical Thinking. Text Books/Lecture Notes:	William, J., Ostrowska, S., Sowton, C., Farmer, J., Cavage, C., Asplin, W.	2021	Cambridge University Press
7	Công nghệ thông tin và	TH91084	- IT for Cambridge International AS & A Level: Coursebook.	- Ceredig Cattanach-	2024 2020	- NXB Cambridge

	chuyển đổi số		- Chuyển đổi số - 5 giai đoạn triển khai công nghệ số cho doanh nghiệp..	Chell và cộng sự. - Lindsay Herbert.		- NXB Thông tin và Truyền thông
8	Nông nghiệp hiện đại	NH91046	Bài giảng môn Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp và cộng sự	2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
9	Sinh thái và môi trường	TM91012	Giáo trình sinh thái môi trường	Trần Đức Viên và cộng sự	2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
10	Triết học Mác - Lê Nin	XH91047	Giáo trình Triết học Mác Lê Nin	Bộ Giáo dục và đào tạo	2021	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
11	Tiếng Anh Nghe nói 2	DN94067	UNLOCK Level 4 second edition Listening Speaking Critical Thinking	Sabina Ostrowska, Nancy Jordan, Chris Sowton, Jennifer Farmer and Janet Gokay	2019	Cambridge University Press
12	Tiếng Anh Đọc viết 2	DN94064	Unlock 4 Reading, Writing and Critical Thinking.	Chris Sowton, Alan S. Kennedy.	2019	Cambridge University Press.
13	Marketing căn bản	KE02037	Giáo trình Marketing căn bản	Nguyễn Văn Phương và cộng sự	2021	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp
14	Nguyên lý kinh tế	KT02001	Principles of Microeconomics. Fourth Edition.	Robert H. Frank and Ben S. Bernanke.	2009	McGraw-Hill/Irwin.
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DN93015	Educational Research- Planning, Conducting, and Evaluating Quantitative and Qualitative Research, 4th Edition	John W. Creswell	2013	Pearson Education Limited

16	Tiếng Anh Nghe Nói 3	DN94068	Unlock 5 Listening, Speaking & Critical Thinking (second edition)	William, J., Ostrowska, S.,Sowton,C., Farmer, J., Cavage, C., Frazier.L.	2019	Cambridge University Press.
17	Tiếng Anh Đọc Viết 3	DN94065	Unlock 5 Reading, Writing & Critical Thinking.	William, J., Ostrowska, S.,Sowton,C., Farmer, J., Cavage, C., Asplin.W.	2021	Cambridge University Press
18	Tổ chức và quản lý kinh tế	KT91043	Giáo trình Kinh tế hộ nông dân,	Đỗ Kim Chung, Lưu Văn Duy	2023	Nhà xuất bản Học viện nông nghiệp
19	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	XH91061	Giáo trình kinh tế chính trị Mác Lê nin	Bộ GD và ĐT	2021	NXB Chính trị quốc gia sự thật
20	Nguyên lý thống kê kinh tế	KT02002	- Giáo trình nguyên lí thống kê kinh tế - Statistics for Business and Economics	Ngô Thị Thuận và Cộng sự James T. McClave, P George Benson and Terry T. Sincich	2006 2017	NXB Nông nghiệp 13th edition. Pearson
21	Cơ sở Ngôn ngữ học và Văn hóa	DN92049	Dẫn luận Ngôn ngữ học	Nguyễn Thiện Giáp	2021	NXB Giáo dục
22	Phiên dịch	DN94060	Lecture note	National University Hanoi	2020	National University, Hanoi
23	Biên dịch	DN94050	Translation Practice	Nguyễn Việt Kỳ	2023	Bài giảng ULIS
24	Chủ nghĩa xã hội khoa học	XH91062	- Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Bộ giáo dục và Đào tạo	2021	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
25	Ngoại ngữ - Tiếng Trung 1	DN94071	Giáo trình Hán ngữ 1	Nguyễn Thị Thanh Liêm	2018	NXB Giáo dục

26	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	XH91075	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.	Bộ giáo dục và đào tạo	2021	
27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH91076	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo,	2021	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
28	Lý thuyết tiếng Anh	DN92038	English Phonetics and Phonology: An Introductory course.	Nguyễn Tấn Lộc	2023	NXB Lao động
29	Kinh tế và Marketing du lịch	DN04026	Giáo trình Marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh và Nguyễn Đình Hòa	2015	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
30	Ngôn ngữ học đối chiếu	DN94057	Linguistics across cultures Contrastive Analysis	Lado, R.	1971	University of Michigan
	Định hướng giảng dạy					
31	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1	DN94061	1. How languages are learned. Oxford university press. 2. Communicative Language Teaching.	1. Lighbrown, M.p & N. Spada 2. Richards, J. (2006)	1993	1. Oxford university press. SEAMEO Regional language Centre (RELC)
32	Công nghệ trong dạy và học Ngoại ngữ	DN94051	Technology in teaching and learning foreign languages	Professional English Department	2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
	Định hướng du lịch					
33	Phiên dịch nâng cao	DN04043	Thực hành Phiên dịch Anh Việt – Việt Anh	Nguyễn Thành Yên	2017	NXB TpHCM
34	Biên dịch nâng cao	DN04008	Advanced Translation	Do Huy Hoang, Nguyen Thanh Van	2018	Bài giảng ULIS

35	Ngoại ngữ - Tiếng Trung 2	DN94072	Giáo trình Hán ngữ 2	Nguyễn Thị Thanh Liêm	2018	NXB Giáo dục
36	Tổ chức chương trình du lịch	DN04074	Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hong Chương	2021	NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân
37	Du lịch nông nghiệp và sinh thái	DN04018	Bài giảng Du lịch nông nghiệp và sinh thái.	Bộ môn Quản lý Du lịch và Lữ hành	2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
48	Ngữ nghĩa học	DN94059	1. English Semantics. 2. Semantics.	- To Minh Thanh - James R. Hurford & Brendan Heasley	2007 2001	1. Ho Chi Minh National University 2. Cambridge University Press.
	Định hướng giảng dạy					
39	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	DN94055	Language assessment	Douglas Brown	2018	Pearson Education
40	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2	DN94062	Teaching listening and speaking.	1. Richards, J.	2006	SEAMEO Regional language Centre (RELC).
	Định hướng du lịch					
41	Quản trị du lịch (dạy bằng tiếng Anh)	DN04050	- Giáo trình Quản trị học. - Tourism Management	Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh. Stephen J. Page.	2022 2019	Tái bản 202 2 Nhà xuất bản Tài chính Routledge; 6th edition
42	Nghệ vụ hướng dẫn và hoạt náo du	DN04031	Giáo trình nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đoàn Hương Lan	2006	Cục du lịch Quốc gia

	lich (day bằng tiếng Anh)					
43	Đất nước học Anh Mỹ	DN04013	- Britain for Learners of English. - The United States of America (Modern World Nations Series)	James O' Driscoll. Gritzner. F. C	2009 2008	OUP South Dakota State University
44	Giao Thoa Văn Hóa	DN94054	Intercultural Communication	Nguyễn Quang	2003	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
45	Ngoại ngữ - Tiếng Trung 3	DN94069	Giáo trình Hán ngữ 3	Nguyễn Thị Thanh Liêm	2018	NXB Giáo dục
46	Thực tập nghề nghiệp	DN94375	Hướng dẫn thực tập của bộ môn	Tập thể tác giả	2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
	Định hướng giảng dạy					
47	Văn học Anh -Mỹ	DN94070	- Literature and Communication - A course book.	Tập thể tác giả (Vietnam National University, Hanoi)	2014	University of Languages & Internation al studies, VNU. Hanoi 2014
	Định hướng du lịch					
48	Tiếng Anh Du lịch	DN04061	Lecture Notes English for Tourism	General English Department	2023	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
50	Khoá luận tốt nghiệp	DN94492	Hướng dẫn KLTN	Bộ môn Tiếng Anh chuyên nghiệp	2014	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
	Học phần thay thế					

	Khóa luận tốt nghiệp					
49	Đọc Viết Nâng Cao	DN94053	Unlock 5 Reading, Writing & Critical Thinking.	William, J., Ostrowska, S.,Sowton,C., Farmer, J., Cavage, C., Asplin.W.	2021	Cambridge University Press
50	Nghe Nói Nâng Cao	DN94056	Unlock - Listening, Speaking and Critical Thinking – Level 5 – 2nd Ed.	- Williams, J., Ostrowska, S., & Sowton, C.	2019	Cambridge University Press.
51	Ngữ Dụng Học	DN94058	Pragmatics	- Yule, G.	1996	Oxford University Press

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	DN91027	Sư phạm Công nghệ	Trần Thị Hà Nghĩa	1975	Thạc sĩ	Việt Nam
2	DN92038	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	1964	Tiến sĩ	Việt Nam
3	DN92049	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Lê Thị Hồng Lam	1980	Thạc sĩ	Việt Nam
4	DN94050	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Tuyết Mai	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
5	DN94051	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Bùi Trung Kiên	1988	Thạc sĩ	Việt Nam
6	DN94052	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thu Trang	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
8	DN94054	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nghiêm Hồng Ngân	1993	Thạc sĩ	Úc
9	DN94055	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Tuyết Mai	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
10	DN94056	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Kim Quế	1976	Thạc sĩ	Úc
11	DN94057	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thanh Phương	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
12	DN94058	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	1964	Tiến sĩ	Việt Nam
13	DN94059	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Hải	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
14	DN94060	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Hải	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
15	DN94061	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Lan Anh	1985	Thạc sĩ	Việt Nam
16	DN94062	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Lan Anh	1985	Thạc	Việt Nam
17	DN94063	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nghiêm Hồng Ngân	1993	Thạc sĩ	Úc
18	DN94064	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thu Trang	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
19	DN94065	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nghiêm Hồng Ngân	1993	Thạc sĩ	Úc
20	DN94066	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Hà Thị Lan	1975	Thạc sĩ	Việt Nam
21	DN94067	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Bùi Trung Kiên	1988	Thạc sĩ	Việt Nam
22	DN94068	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Bùi Thị Là	1980	Thạc sĩ	Thụy Điển
23	DN94069	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Lê Thị Hồng Lam	1980	Thạc sĩ	Việt Nam

TT	Mã Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
24	DN94070	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	1964	Tiến sĩ	Việt Nam
25	DN94071	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Lê Thị Hồng Lam	1980	Thạc sĩ	Việt Nam
26	DN94072	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Lê Thị Hồng Lam	1980	Thạc sĩ	Việt Nam
27	DN94073	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Tuyết Mai	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
28	DN94074	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thị Hải	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
29	DN94375	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Trần Thanh Phương	1987	Thạc sĩ	Việt Nam
30	DN94492	Tiếng Anh chuyên nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	1964	Tiến sĩ	Việt Nam

PHỤ LỤC 5

ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Kí hiệu	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh, mã ngành 7220201 Website: https://ffl.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2023/nganh-ngon-ngu-anh-chuong-trinh-tieu-chuan-ma-nganh-7220201	Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh Website: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh _ 2021 (hanu.vn)	Tên CTĐT: BA English Program (BA-English-PLOs.pdf (msmu.edu)
		Trường: Đại học Tôn Đức Thắng	Trường : Đại học Hà Nội	Trường: Mount Saint Mary's University, Los Angeles
		Nước: Việt Nam	Nước: Việt Nam	Nước: Mỹ
I	KIẾN THỨC			
1.1	Kiến thức chung			
PLO1	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.	CDR 1: Vận dụng (Apply) kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng vào các hoạt động học tập, nghiên cứu và tác nghiệp. CDR 3: Phân tích (Analyze) các vấn đề về văn hóa, xã hội và văn học Anh, Mỹ.	KT1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Leenin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và nghề nghiệp;	
PLO2	Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.	CDR 2: Phân biệt (Distinguish) các khái niệm cơ bản, lý thuyết và phương pháp trong các lĩnh vực ngôn ngữ học Anh.	KT2: Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, Việt ngữ học và văn hóa Việt Nam để phục vụ học tập và công việc chuyên môn.	
1.2	Kiến thức chuyên môn			
PLO 3	Lựa chọn các tài liệu, sản phẩm phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh.	CDR 4.2: Phát triển (Develop) kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thương mại để thực hiện các công việc được phân công tại nơi làm việc. (dành cho định hướng Thương mại) CDR 4.1: Phát triển (Develop) kiến thức và kỹ năng chuyên môn liên quan đến tâm lý sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học tiếng Anh ở bậc phổ thông. (dành cho định hướng Sư phạm)	KT3: Trình bày được kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ dụng), văn học, văn hóa Anh, giao tiếp liên văn hóa;	Research Paper: The student's writing will be original, persuasive, and organized, demonstrating many different ways of achieving a desired effect on an audience. It will adhere to the conventions of standard, formal English. Her paper will be composed.

Kí hiệu	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh, mã ngành 7220201 Website: https://ffl.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2023/nganh-ngon-ngu-anh-chuong-trinh-tieu-chuan-ma-nganh-7220201	Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh Website: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh _ 2021 (hanu.vn)	Tên CTĐT: BA English Program (BA-English-PLOs.pdf (msmu.edu)
		Trường: Đại học Tôn Đức Thắng	Trường : Đại học Hà Nội	Trường: Mount Saint Mary's University, Los Angeles
		Nước: Việt Nam	Nước: Việt Nam	Nước: Mỹ
PLO 4	Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch và Nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc.		KT4: Thể hiện sự hiểu biết cơ bản về lý luận và thực tiễn dịch thuật; quan điểm, nguyên tắc và phương pháp giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.	
II	KỸ NĂNG			
2.1	Kỹ năng chung			
PLO 5	Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Giảng dạy Tiếng Anh, Quản trị văn phòng và Du lịch.	CĐR 5: Đạt (Build) các kỹ năng cần thiết tại nơi làm việc như kỹ năng học tập, dịch thuật, tư duy phản biện, giao tiếp, công nghệ thông tin và các kỹ năng phát triển bền vững. CĐR 8: Sử dụng (Use) ngoại ngữ thứ hai để giao tiếp cơ bản trong những tình huống liên quan đến gia đình, cuộc sống, học tập, giải trí và du lịch - tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của châu Âu.	KN6: Sử dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng quy định tại TT 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014; KN7: Sử dụng một ngoại ngữ 2 ở bậc 3 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại TT 01/2014/TT-BGDĐT.	The student will demonstrate that she can read texts closely, carefully, and with sophistication, paying attention to shades of meaning.
2.2	Kỹ năng chuyên môn			
PLO 6	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tư duy phản biện vào phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết thư tín, viết báo cáo khoa học và làm việc nhóm.	CĐR 6: Vận dụng (Apply) các kỹ năng viết học thuật và phương pháp nghiên cứu khoa học vào các hoạt động học tập và nghiên cứu. CĐR 7: Phát triển (Develop) năng lực ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp hiệu quả trong các ngữ cảnh giao tiếp xã hội, học thuật và công việc – tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của châu Âu.	KN1: Thực hành tư duy phản biện, phân tích và giải quyết vấn đề trong thực hiện công việc chuyên môn được đào tạo; KN2: Giao tiếp hiệu quả khẩu ngữ, bút ngữ và thông qua các phương tiện truyền thông bằng tiếng Anh trong học tập và các hoạt động chuyên môn được đào tạo tối thiểu ở bậc 5 theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại TT 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014;	The student will correctly answer at least 70% of the questions on the departmental exit exam

Kí hiệu	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh, mã ngành 7220201 Website: https://ffl.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2023/nganh-ngon-ngu-anh-chuong-trinh-tieu-chuan-ma-nganh-7220201	Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh Website: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh _ 2021 (hanu.vn)	Tên CTĐT: BA English Program (BA-English-PLOs.pdf (msmu.edu)
		Trường: Đại học Tôn Đức Thắng	Trường : Đại học Hà Nội	Trường: Mount Saint Mary's University, Los Angeles
		Nước: Việt Nam	Nước: Việt Nam	Nước: Mỹ
PLO7	Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch và Nghiên cứu khoa học	CĐR 4.2: Phát triển (Develop) kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thương mại để thực hiện các công việc được phân công tại nơi làm việc. (dành cho định hướng Thương mại) CĐR 4.1: Phát triển (Develop) kiến thức và kỹ năng chuyên môn liên quan đến tâm lý sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học tiếng Anh ở bậc phổ thông. (dành cho định hướng Sư phạm)	KN3: Vận dụng được kiến thức lý luận và thực tiễn về ngôn ngữ học tiếng Anh, văn học, văn hoá Anh; kỹ năng tiếng Anh trong nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy tiếng Anh và thực hiện các công việc chuyên môn liên quan khác;	Analytical and critical essays: The student can produce an essay that is clear and persuasive, offering a focused response to the assignment. It will adhere to the conventions of standard, formal English and demonstrate an awareness of audience.
PLO 8	Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực Giảng dạy tiếng Anh, Quản trị văn phòng, Du lịch để giải quyết hiệu quả các vấn đề chuyên môn.	CĐR 4.2: Phát triển (Develop) kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thương mại để thực hiện các công việc được phân công tại nơi làm việc. (dành cho định hướng Thương mại) CĐR 4.1: Phát triển (Develop) kiến thức và kỹ năng chuyên môn liên quan đến tâm lý sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong việc tổ chức các hoạt động dạy và học tiếng Anh ở bậc phổ thông. (dành cho định hướng Sư phạm)	KN4: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng dẫn dắt chuyên môn và điều phối nguồn lực để đạt mục tiêu đề ra; KN5: Tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp để biên và phiên dịch các loại diễn ngôn Anh – Việt, Việt – Anh và thực hiện các công việc chuyên môn trong lĩnh vực thương mại và giảng dạy tiếng Anh;	The student will research using academic databases, evaluating secondary sources for reliability and incorporating the research into the final essay in a sophisticated manner. She will display proficiency with MLA formatting
III	NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM			
PLO9	Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	CĐR 9: Thể hiện được phẩm chất chính trị tốt, ý thức kỷ luật cao, có đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, có tính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn và vì cộng đồng.	TCTN1: Thể hiện khả năng học tập suốt đời, năng lực tự định hướng và thích nghi môi trường làm việc đa ngôn ngữ, đa văn hóa; TCTN2: Sẵn sàng đảm nhận và phối hợp thực hiện công việc với	

Kí hiệu	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh, mã ngành 7220201 Website: https://ffl.tdtu.edu.vn/tin-tuc/2023/nganh-ngon-ngu-anh-chuong-trinh-tieu-chuan-ma-nganh-7220201	Tên CTĐT: Ngôn ngữ Anh Website: Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh _ 2021 (hanu.vn)	Tên CTĐT: BA English Program (BA-English-PLOs.pdf (msmu.edu)
		Trường: Đại học Tôn Đức Thắng	Trường : Đại học Hà Nội	Trường: Mount Saint Mary's University, Los Angeles
		Nước: Việt Nam	Nước: Việt Nam	Nước: Mỹ
			độ cam kết cao, trách nhiệm với bản thân, xã hội và môi trường.	

Ghi chú: Khi điều chỉnh CDR CTĐT ngành NNA, một trong những căn cứ được khoa DL&NN sử dụng là tham khảo CDR của các CTĐT.

PHỤ LỤC 6: MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CĐR VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

						Kiến thức chung		Chuyên đề ra cho nhóm ngành		Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung		Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm					
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7: Thực hiện thành thạo các hoạt động chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO8: Vận dụng tích hợp các kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO9: Thái độ và trách nhiệm xã hội	
				PLO1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự liên kết với các vấn đề đang đặt ra trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO2: Phân tích kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa, lý thuyết tiếng Anh trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO3: Lựa chọn các tài liệu, các phân phù hợp với các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO4: Thiết kế và phát triển các tài liệu, sản phẩm phù hợp trong các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh		PLO5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh		PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc; sử dụng tự do phân tích và phân tích, tổng hợp thông tin, thuyết trình, viết báo cáo khoa học và các văn bản chuyên môn		PLO7:					

PHỤ LỤC 7: LỘ TRÌNH HỌC TẬP

Học kỳ 1	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Tiếng Anh nghe nói 1	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Pháp luật đại cương	Tiếng Anh bổ trợ (PCBB)	Tiếng Anh đọc viết 1	Giáo dục thể chất đại cương (PCBB)		Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 2	Thương mại và Hội nhập quốc tế	Nông nghiệp hiện đại	Sinh thái và môi trường	Tiếng anh nghe nói 2	Triết học Mác - Lê Nin	Tiếng Anh đọc viết 2	GDTC (PCBB)		Kỹ năng mềm (PCBB)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 3	Phương Pháp nghiên cứu khoa học	Tiếng Anh nghe nói 3	Tổ chức và quản lý kinh tế	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Tiếng Anh đọc viết 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đường lối quân sự của Đảng	Công tác quốc phòng - An ninh (PCBB)		Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 4	Cơ sở văn hóa VN	Phiên dịch	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Biên dịch	Ngôn ngữ học đối chiếu (TC)	Giao thoa văn học (TC)	Quân sự chung(PCBB)	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT (PCBB)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3
Học kỳ 5 (Định hướng GD)	Tiếng Trung 1	Dẫn luận ngôn ngữ học	Ngữ âm từ vựng TA	Ngữ pháp	Biên dịch nâng cao	Phiên dịch nâng cao	Phương pháp GDTA1			Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 5 (định hướng DL)							Quản trị du lịch			
Học kỳ 5 (định hướng QTVP)							Quản lý dự án			
Học kỳ 6 (Định hướng GD)	Tiếng Trung 2	Kiểm tra đánh giá NN	Phương pháp GDTA2	Tiếng Anh thư tín giao dịch (TC)	Ngữ nghĩa học (TC)	Công nghệ trong dạy và học NN (TC)	Tiếng Anh du lịch (TC)	Tổ chức chương trình DL (TC)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3	
Học kỳ 6 (định hướng DL)		Kinh tế và Marketing du lịch	Nghiệp vụ hướng dẫn và HNDL							
Học kỳ 6 (định hướng QTVP)		Quản trị văn phòng	Tiếng Anh VP							
Học kỳ 7	Thực tập nghề nghiệp NNA	Đất nước học Anh Mỹ	Tiếng Trung 3 (TC)	Văn học Anh Mỹ (TC)						Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3
Học kỳ 8	Khóa luận tốt nghiệp				Học phần thay thế KLTN: Đọc viết nâng cao; Nghe nói nâng cao; Ngữ dụng học					Tổng số tín chỉ tích lũy ≥ 70%; ĐTBCTL ≥ 2.0;
	Tổng số tín chỉ bắt buộc			126	BB	Khối kiến thức đại cương				
	Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			9	TC	Khối kiến thức cơ sở ngành				
	Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo			135		Khối kiến thức chuyên ngành				